Số: 26/2021/QĐ-UBND
Thời gian ký: 29/06/2021 17:16:16 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số /2021/QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; các huyện, thị xã, thành phố.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đến việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

a) Bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành khác.

b) Chỉ giao kế hoạch vốn cho các dự án có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công.

c) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư các vùng trong tỉnh.

đ) Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

e) Phân bổ đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có).

g) Tổng vốn đầu tư trung hạn ngân sách tỉnh quản lý và ngân sách cấp huyện quản lý (bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất giao cấp huyện thực hiện) dành lại một phần theo tỷ lệ hợp lý (hoặc theo tỷ lệ được trung ương quy định, hướng dẫn cụ thể sau thời điểm Quy định này có hiệu lực) để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn của cấp mình. Phần còn lại thực hiện phân bổ theo danh mục và mức vốn cho từng nhiệm vụ, chương trình, dự án cụ thể.

h) Kế hoạch đầu tư công hằng năm phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (khi có kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025).

i) Việc bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hằng năm theo thứ tự ưu tiên sau:

- Ưu tiên bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn còn thiếu của các dự án thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 đã triển khai chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư; thu hồi vốn ứng trước kế hoạch.

- Các nhiệm vụ, chương trình đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua theo quy định của Luật Đầu tư công;

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công, các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

k) Đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án có sử dụng vốn ngân sách Trung ương, vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài nếu có quy định khác thì thực hiện theo quy định của Trung ương và của nhà tài trợ nước ngoài.

2. Giao vốn cân đối cho các địa phương.

a) Mức vốn đầu tư tập trung trong cân đối bình quân trong giai đoạn 2021-2025 giao cân đối cho từng huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện) không thấp hơn số vốn kế hoạch bình quân giai đoạn 2016-2020.

b) Tổng nguồn vốn đầu tư tập trung trong cân đối ngân sách tỉnh tăng hằng năm 6%, được phân bổ hằng năm cho ngân sách huyện giai đoạn 2021-2025 và được cân đối phân bổ ổn định hằng năm từ năm 2022.

c) Căn cứ khả năng thực hiện kế hoạch thu tiền sử dụng đất hằng năm của các cấp huyện, UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thực hiện nguồn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 cho các cấp huyện thực hiện.

3. Phân bổ nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và hằng năm để hỗ trợ có mục tiêu và theo ngành, lĩnh vực.

a) Vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất của tỉnh chỉ bố trí cho các dự án do các cơ quan cấp tỉnh quản lý, chỉ xem xét hỗ trợ cho các địa phương có dự án tạo nguồn thu tiền sử dụng đất của tỉnh. Ưu tiên hỗ trợ có mục tiêu từ nguồn đầu tư tập trung cho các dự án của cấp huyện.

b) Các dự án khởi công mới được hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh và từ ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách tỉnh (được xem như ngân sách tỉnh) theo quy định tại Điều 5 phải có quyết định chủ trương đầu tư của cấp có thẩm quyền, trong đó quy định chỉ hỗ trợ cho chi phí xây dựng và chi phí thiết bị.

c) Đối với các dự án thuộc địa bàn các xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo danh sách các xã trên địa bàn tỉnh được Trung ương phê duyệt và xã Nhơn Châu được hưởng chính sách hỗ trợ như các huyện miền núi.

d) Đối với các dự án hoàn thành nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư được phép bố trí 90% nhu cầu kế hoạch vốn.

đ) Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định danh mục, mức vốn hỗ trợ các dự án cho huyện, thị xã, thành phố trong thời kỳ trung hạn và hằng năm.

Điều 4. Tiêu chí và định mức giao phân cấp vốn đầu tư tập trung giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương

1. Các tiêu chí.

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021–2025, vốn đầu tư tập trung phân cấp cho huyện phân bổ theo 4 nhóm tiêu chí chủ yếu như sau:

a) Tiêu chí dân số:

- Số dân trung bình;

- Số người dân tộc thiểu số.

b) Tiêu chí trình độ phát triển:

- Tỷ lệ hộ nghèo;

- Thu ngân sách (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất);

- Tỷ lệ điều tiết ngân sách địa phương về ngân sách tỉnh;

- Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách địa phương.

c) Tiêu chí diện tích:

- Diện tích đất tự nhiên;

- Tỷ lệ che phủ rừng.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính:

- Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn;

- Số xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn);

- Số xã khu vực II (xã còn khó khăn);

- Số xã khu vực I (xã bước đầu phát triển).

2. Phương pháp xác định điểm của các tiêu chí.

a) Tiêu chí dân số

Bao gồm tổng dân số trung bình của huyện, thị xã, thành phố và số người dân tộc thiểu số năm 2019 do Cục Thống kê tỉnh cung cấp, cụ thể như sau:

(i) Điểm của tiêu chí số dân trung bình

Số dân trung bình	Điểm
Từ 30.000 người trở xuống được tính	3
Trên 30.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được tính thêm	0,4

(ii) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số người dân tộc thiểu số	Điểm
Cứ 500 người dân tộc thiểu số được tính	0,1

b) Tiêu chí trình độ phát triển

Bao gồm tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo theo số liệu do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cung cấp; Thu ngân sách (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất), Tỷ lệ điều tiết ngân sách địa phương về ngân sách tỉnh và Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách địa phương theo số liệu do Sở Tài chính cung cấp.

(i) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10% không tính điểm	0
Các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% trở lên được tính	1
Trên 10% hộ nghèo, cứ tăng thêm 1% hộ nghèo được tính thêm	0,1

(ii) Điểm của tiêu chí thu ngân sách cấp huyện (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất)

Thu ngân sách cấp huyện	Điểm
Các địa phương có số thu ngân sách đến 20 tỷ đồng được tính	2
Các địa phương có số thu ngân sách trên 20 tỷ đồng đến 90 tỷ đồng, từ 0 đến 20 tỷ đồng được tính 2 điểm, phần còn lại cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính	0,1
Các địa phương có số thu ngân sách trên 90 tỷ đồng đến 180 tỷ đồng, từ 0 đến 90 tỷ đồng được tính 2,7 điểm, phần còn lại cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính	0,15
Các địa phương có số thu ngân sách trên 180 tỷ đồng, từ 0 đến 180 tỷ đồng được tính 4,05 điểm, phần còn lại cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính	0,25 (riêng TP Quy Nhơn 0,2)

(iii) Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết ngân sách địa phương về ngân sách tỉnh

Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh	Điểm
Các địa phương không điều tiết về ngân sách tỉnh không tính điểm	0
Các địa phương có điều tiết về ngân sách tỉnh và tỷ lệ điều tiết dưới 5% được tính	1
Các địa phương có điều tiết về ngân sách tỉnh từ 5% trở lên, cứ mỗi 5% tăng thêm được tính	1

(iv) Điểm của tiêu chí tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh so với tổng chi ngân sách địa phương

Tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh	Điểm
Các địa phương tự đảm bảo cân đối ngân sách không tính điểm	0
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh trên 0% đến 10% được tính	3
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh trên 10% đến 30%, từ 0% đến 10% được tính 3 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	0,3
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh trên 30% đến 50%, từ 0% đến 30% được tính 6 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	0,2
Các địa phương có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh trên 50% trở lên, từ 0% đến 50% được tính 8 điểm, phần còn lại cứ 2% tăng thêm được tính	0,15

c) Tiêu chí diện tích

Bao gồm tiêu chí diện tích tự nhiên (được xác định theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến năm 2019 theo công bố của Cục Thống kê) và tỷ lệ che phủ rừng (được xác định căn cứ trên diện tích che phủ rừng lấy theo số liệu cung cấp của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

(i) Điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Từ 300 km^2 trở xuống được tính	3
Từ 300 km^2 trở lên, cứ 10 km^2 tăng thêm được tính thêm	0,1

(ii) Điểm của tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng

Tỷ lệ che phủ rừng	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng đến 25% được tính	0
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 25% đến 50% được tính	0,1
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 50% trở lên	0,3

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn

Số đơn vị hành chính (xã, phường, thị trấn) cấp huyện tính toán điểm căn cứ vào số liệu cung cấp của Sở Nội vụ về số đơn vị hành chính cấp xã và Quyết định phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển của cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định.

Số đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Cứ 01 xã, phường, thị trấn được tính	0,4
Cứ 01 xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) được tính thêm	0,3
Cứ 01 xã khu vực II (xã còn khó khăn) được tính thêm	0,2
Cứ 01 xã khu vực I (xã bước đầu phát triển) được tính thêm	0,1

3. Định mức vốn đầu tư tập trung trong cân đối giao các huyện, thị xã thành phố.

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và tổng số điểm của 11 huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư tập trung trong cân đối hằng năm, theo công thức sau:

Gọi: VĐT là vốn đầu tư tập trung giao cho các huyện, thị xã, thành phố hằng năm;

Đ là tổng điểm của 11 huyện, thị xã, thành phố;

Đn là tổng điểm của một đơn vị huyện, thị xã, thành phố;

Vn là định mức vốn phân bổ cho 1 đơn vị huyện, thị xã, thành phố ứng với Đn.

Vốn phân bổ cho 1 đơn vị địa phương được tính theo công thức:

$$Vn = \frac{V\text{ĐT}}{\text{Đ}} \times \text{Đn}$$

Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và tổng số điểm của 11 huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn.

4. Điều chỉnh bất hợp lý

Sau khi phân bổ theo các tiêu chí và định mức trên, đối với các huyện, thị xã, thành phố có số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất) thấp hơn kế hoạch năm 2021 (số vốn do UBND tỉnh giao) sẽ được điều chỉnh tối thiểu bằng số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm nguồn thu tiền sử dụng đất) kế hoạch năm 2021 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Điều 5. Quy định mức hỗ trợ có mục tiêu và theo ngành, lĩnh vực từ ngân sách tỉnh

1. Các dự án do tỉnh quản lý.

Các dự án do tỉnh quản lý, ngân sách tỉnh đảm bảo vốn đầu tư thực hiện dự án (ngoại trừ các dự án có cam kết đóng góp của các địa phương là vùng hưởng lợi của dự án).

2. Các dự án do cấp huyện quản lý (cấp huyện làm chủ đầu tư).

Ngân sách tỉnh chỉ xem xét, hỗ trợ đối với các dự án có tính cấp bách, quan trọng trong danh mục được HĐND tỉnh thông qua; các dự án do thiên tai, dịch bệnh, nhu cầu cấp thiết phát sinh chưa có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn do HĐND tỉnh thông qua.

3. Mức hỗ trợ có mục tiêu (chỉ hỗ trợ phần chi phí xây dựng, thiết bị) cho các dự án giao cấp huyện làm chủ đầu tư.

a) Đối với các huyện miền núi và các xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) theo quy định của cấp có thẩm quyền và xã Nhơn Châu, thành phố Quy Nhơn: Hỗ trợ tối đa 90% (bao gồm lồng ghép các Chương trình Mục tiêu quốc gia).

b) Đối với các huyện trung du: Hỗ trợ tối đa 70%.

c) Đối với các huyện còn lại: Hỗ trợ tối đa 50%.

d) Đối với các thị xã: Hỗ trợ tối đa 40%.

đ) Đối với thành phố Quy Nhơn (trừ xã đảo Nhơn Châu vì Nhơn Châu hưởng chính sách theo chế độ miền núi): Hỗ trợ tối đa 30%.

e) Trường hợp đặc biệt từ mục a đến mục đ nêu trên: Mức hỗ trợ khác do HĐND tỉnh quyết định.

4. Đối với các dự án Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự cấp xã.

Đối với các dự án Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự cấp xã theo Đề án được ban hành tại Nghị quyết số 38/2020/NQ-HĐND ngày 06/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh thì mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh thực hiện như sau:

a) Đối với các huyện miền núi: Hỗ trợ 100% giá trị xây lắp, phần còn lại do ngân sách huyện đảm bảo.

b) Đối với các huyện trung du: Hỗ trợ 70% giá trị xây lắp, phần còn lại do ngân sách huyện đảm bảo.

c) Đối với các huyện, thị xã còn lại: Hỗ trợ 50% giá trị xây lắp, phần còn lại do ngân sách các huyện, thị xã đảm bảo.

d) Đối với thành phố Quy Nhơn: Hỗ trợ 30% giá trị xây lắp, phần còn lại ngân sách thành phố Quy Nhơn đảm bảo./.